TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NAM TRỰC** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 07/2019/HNGĐ-ST
Ngày 27 - 02 - 2019
V/v ly hôn giữa anh M và chị S

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hà

Bà Đặng Thị Thơm

Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hằng, Thư ký tòa án nhân dân huyện Nam Trực.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Là - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2019/QĐXX-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1984 (có mặt)

Địa chỉ: Xóm 11, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

- ***Bị đơn:*** Chị Đàm Thị S, sinh năm 1987 (có mặt)

Địa chỉ: Xóm 11, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 12 năm 2018 và quá trình tham gia tố tụng tại Toà án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn M trình bày: Anh và chị Đàm Thị S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 16/9/2010 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn do vợ chồng sống hạnh phúc, đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống,

không có sự tôn trọng lẫn nhau, chị S và anh thường xuyên cãi chửi nhau. Tháng 10 năm 2018 anh bỏ về nhà đẻ ở với bố, từ đó vợ chồng ly thân, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, thực sự đã đổ vỡ, không thể hàn gắn được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Đàm Thị S.

Về nuôi con chung: Anh và chị S có 02 con chung là cháu Nguyễn Trà M, sinh ngày 19/7/2011 và cháu Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 10/5/2013. Hiện nay ban ngày các cháu ở với chị S, tối các cháu về ngủ với anh. Chị S làm công nhân của Công ty AMADA Việt Nam, anh đang làm cơ khí cho chủ danh nghiệp tư nhân là ông Nguyễn Văn T; địa điểm tại thôn T, xã N, huyện N thu nhập hằng tháng từ 06 triệu đến 6,5 triệu đồng. Khi ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được chăm sóc nuôi dưỡng cháu M và chị S nuôi dưỡng chăm sóc cháu H, anh và chị S không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung và công nợ chung: Anh và chị S tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 09/01/2019 và quá trình tham gia tố tụng tại Toà án bị đơn chị Đàm Thị S trình bày: Về thời gian kết hôn, quá trình chung sống như anh M trình bầy là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân ngày 19/10/2018 mẹ chồng chị chết anh M chuyển về nhà đẻ ở với bố, nên thỉnh thoảng vợ chồng chị mới gặp nhau, cũng từ đó anh M nhiều lần nghi ngờ chị có quan hệ bất chính với người đàn ông khác nên hay về nói kháy và chửi bới chị. Thực tế do chị đi làm tăng ca thường xuyên về muộn chứ không có quan hệ bất chính với ai. Nay anh M làm đơn xin ly hôn, chị xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị không ly hôn đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dậy các con. Nếu anh M vẫn quyết tâm xin ly hôn chị đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về nuôi con chung: Vợ chồng tôi có 02 con chung tên và ngày tháng năm sinh, cuộc sống sinh hoạt của các cháu như anh M trình bày là đúng. Nếu phải ly hôn chị xin được chăm sóc nuôi dưỡng cả 02 con. Hiện nay chị đang làm công nhân tại Công ty AMADA Việt Nam, thu nhập hàng tháng từ 06 triệu đến 6,5 triệu đồng. Để đảm cuộc sống tốt nhất về mọi mặt của con chung, chị đề nghị anh M cấp dưỡng cho chị nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng/02 cháu.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị và anh M tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Anh M giữ nguyên yêu cầu, quan điểm đã trình bày và đề nghị tại Tòa án. Chị S có ý kiến, chị không ly hôn anh M, nếu vợ chồng phải ly hôn thì đề nghị tòa án giải quyết cho chị được nuôi cả 02 con chung, không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc thu thập các tài liệu có trong hồ sơ vụ án của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Áp dụng Điều 56; các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về án phí và lệ phí Toà án.

Đề nghị xử cho anh Nguyễn Văn M ly hôn với chị Đàm Thị S.

Về nuôi con chung: Anh M và chị S có 02 con chung, sau khi ly hôn giao cháu Nguyễn Trà M cho anh Nguyễn Văn M trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Hoàng H cho chị Đàm Thị S trực tiếp nuôi dưỡng. Anh M và chị S không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau;

Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết;

Về án phí: Anh M phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn M và chị Đàm Thị S kết hôn do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, đến tháng 10 năm 2018 vợ chồng đã sống ly thân, không quan tâm gì với nhau nữa. Nay anh M xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn. Chị S mong muốn vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dậy con chung, nhưng nếu anh M quyết tâm xin ly hôn chị đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xét thấy, cuộc hôn nhân giữa anh M và chị S không còn hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, có duy trì thì mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn M đối với chị Đàm Thị S là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về nuôi con chung: Anh M và chị S có 02 con chung, sau khi ly hôn, anh M đề nghị giao mỗi người nuôi một con, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Chị S đề nghị được nuôi cả 02 con và không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

Xét điều kiện hoàn cảnh thực tế, đề nghị của các đương sự, nguyện vọng của con (cháu M có đơn đề nghị khi bố mẹ ly hôn cháu xin được ở với bố), đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung. Hội đồng xét xử thấy: Yêu cầu của Anh M, đề

nghị giao cháu Nguyễn Trà M cho anh trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Hoàng H cho chị Đàm Thị S trực tiếp nuôi dưỡng. Anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau là không trái với đạo đức xã hội, phù hợp quy định các tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận. Các đương sự có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không đề nghị giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Anh Nguyễn Văn M phải nộp án phí ly hôn theo quy định của của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Xử ly hôn giữa anh Nguyễn Văn M và chị Đàm Thị S;

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Trà M, sinh ngày 19/7/2011 cho anh Nguyễn Văn M trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 10/5/2013 cho chị Đàm Thị S trực tiếp nuôi dưỡng. Anh M và chị S không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Các đương sự có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở;

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn M phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh M đã nộp theo biên lai số 0002153 ngày 03 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Trực (anh M đã nộp đủ án phí).

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì đương sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ánh

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND Huyện Nam Trực;
- Chi cục THADS Huyện Nam Trực;
- UBND xã N;
- Lưu: HS.